Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-04-01 08:06:23 +07:00

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi bởi Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 1. Bãi bỏ cụm từ "thanh tra" tại khoản 1 Điều 1 của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Quy chế thi).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 8 của Quy chế thi như sau:

"c) Các ủy viên là lãnh đạo các phòng của sở GDĐT, lãnh đạo các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan; lãnh đạo UBND cấp xã/phường/đặc khu thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã), nơi đặt điểm thi;"

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 14 của Quy chế thi như sau:

"d) Yêu cầu Giám thị lập biên bản thí sinh vi phạm Quy chế thi; phối hợp với các đoàn thanh tra, kiểm tra trong việc xử lý vi phạm."

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 4 điểm c khoản 7 Điều 20 của Quy chế thi như sau:

"- Tổ chức xét duyệt hồ sơ ĐKDT và thông báo công khai những trường hợp không đủ điều kiện dự thi quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế này chậm nhất trước ngày thi 05 ngày; quản lý hồ sơ ĐKDT và chuyển dữ liệu ĐKDT cho sở GDĐT;"

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 21 của Quy chế thi như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Xuất trình Thẻ Căn cước/CCCD/Hộ chiếu và giấy báo dự thi;"

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

"a) Ngồi đúng vị trí có ghi số báo danh của mình; xuất trình Thẻ Căn cước/CCCD/Hộ chiếu, giấy báo dự thi khi có yêu cầu của Giám thị hoặc người làm nhiệm vụ tại Điểm thi;"

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 của Quy chế thi như sau:

"1. Căn cứ dữ liệu thí sinh ĐKDT, Ban Thư ký hoàn thành danh sách thí sinh (kể cả danh sách ảnh của thí sinh) của từng phòng thi."

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 của Quy chế thi như sau:

"1. Khu vực chấm thi phải bảo đảm an ninh, an toàn, có đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy và có công an bảo vệ liên tục 24 giờ/ngày; nơi chấm thi, chấm kiểm tra bài thi tự luận và nơi bảo quản bài thi tự luận được bố trí gần nhau. Bài thi trắc nghiệm được lưu trữ tại phòng xử lý và chấm bài thi trắc nghiệm hoặc được lưu trữ tại phòng chứa bài thi riêng biệt, tùy theo điều kiện thực tế của đơn vị."

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 34 của Quy chế thi như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Tiếp nhận mã khóa Phần mềm từ Bộ GDĐT, danh sách thí sinh và danh sách các Điểm thi trong các tệp tin Excel từ Hội đồng thi, lưu tất cả vào USB/đĩa CD/đĩa DVD (gọi chung là đĩa CD) để mang vào khu vực chấm thi trắc nghiệm;"

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Các Bộ đĩa CD xuất ra tại mỗi bước tại khoản 3, 4, 5 Điều này phải được đóng gói niêm phong dưới sự giám sát của Tổ Giám sát, công an và lập biên bản. Theo đó, 01 Bộ đĩa gửi về Bộ GDĐT (qua Cục QLCL) trong đó đĩa CD0 gửi qua đường chuyển phát nhanh, đĩa CD1 và CD2 bàn giao cho Ban Thư ký để gửi về Bộ GDĐT qua hệ thống Quản lý thi. 01 Bộ đĩa gửi Chủ tịch Hội đồng thi để lưu trữ (khi

sử dụng CD0, CD1, CD2 này phải nhận được sự đồng ý của Ban Chỉ đạo thi cấp quốc gia). Sau khi tiến hành gửi đĩa CD và được lãnh đạo Ban Chấm thi cho phép thì mới được tiến hành bước tiếp theo."

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 của Quy chế thi như sau:

"**Điều 36. Quản lý điểm bài thi**

1. Sau khi chấm thi xong tất cả các môn, Chủ tịch Hội đồng thi gửi dữ liệu kết quả thi về Bộ GDĐT (qua Cục QLCL) để lưu trữ và đối chiếu. Dữ liệu kết quả thi phải lưu vào 02 đĩa CD giống nhau, được niêm phong và lập biên bản niêm phong dưới sự chứng kiến của công an; 01 đĩa giao cho Chủ tịch Hội đồng thi lưu trữ, 01 đĩa bàn giao cho Ban Thư ký để gửi về Bộ GDĐT qua hệ thống Quản lý thi.

2. Để bảo đảm sự chính xác của dữ liệu kết quả thi, Bộ GDĐT sử dụng dữ liệu các Hội đồng thi gửi về để cập nhật vào hệ thống Quản lý thi; Chủ tịch Hội đồng thi chỉ đạo Ban Thư ký Hội đồng thi sử dụng đĩa CD do Chủ tịch Hội đồng thi lưu trữ để đối sánh với dữ liệu trên hệ thống Quản lý thi; sau khi tất cả các Hội đồng thi hoàn thành việc đối sánh dữ liệu và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết thì mới công bố kết quả thi theo quy định.

3. Sau khi công bố kết quả thi và xét công nhận tốt nghiệp THPT, các trường phổ thông in và cấp Giấy chứng nhận kết quả thi cho thí sinh. Mỗi thí sinh được cấp một Giấy chứng nhận kết quả thi với mã số xác định duy nhất.

4. Tất cả các tài liệu liên quan đến điểm bài thi đều phải niêm phong và do Chủ tịch Hội đồng thi tổ chức thực hiện bảo quản theo quy định."

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 37 của Quy chế thi như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Nơi thí sinh ĐKDT nhận đơn phúc khảo của thí sinh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày công bố điểm thi và chuyển dữ liệu thí sinh có đơn phúc khảo bài thi đến Hội đồng thi. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo, Hội đồng thi phải công bố và thông báo kết quả phúc khảo cho thí sinh."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 như sau:

"d) Bài thi có điểm phúc khảo lệch so với điểm chấm đã công bố từ 0,25 điểm trở lên thì được điều chỉnh điểm, kể cả trường hợp tăng hoặc giảm điểm. Tất cả các trường hợp điều chỉnh điểm đều phải tổ chức đối thoại trực tiếp giữa các Giám khảo

chấm phúc khảo và các Giám khảo chấm trước đây (có ghi biên bản). Nếu thấy có biểu hiện tiêu cực phải báo cáo lãnh đạo Ban Phúc khảo để xử lý theo quy định."

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 3 điểm b khoản 6 như sau:

"- Dữ liệu chấm phúc khảo được xuất ra từ phần mềm, ghi vào 02 đĩa CD giống nhau, được niêm phong dưới sự giám sát của Tổ Giám sát, công an và lập biên bản, có chữ ký của lãnh đạo Ban Phúc khảo. Trong đó, 01 đĩa bàn giao cho Ban Thư ký để gửi về Bộ GDĐT qua hệ thống Quản lý thi để quản lý; 01 đĩa bàn giao cho Chủ tịch Hội đồng thi để cập nhật kết quả vào cơ sở dữ liệu của hệ thống Quản lý thi và lưu trữ;"

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Điểm các bài thi được điều chỉnh sau phúc khảo do Trưởng ban Phúc khảo trình Chủ tịch Hội đồng thi quyết định. Chủ tịch Hội đồng thi cập nhật điểm của thí sinh sau phúc khảo vào hệ thống Quản lý thi theo quy định của Bộ GDĐT; gửi dữ liệu về Bộ GDĐT qua hệ thống Quản lý thi."

Điều 11. Thay các cụm từ "do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp" tại khoản 1, 2 Điều 40 của Quy chế thi bằng cụm từ "do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp".

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 42 của Quy chế thi như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;"

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

"a) Người dân tộc thiểu số học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;"

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 47 của Quy chế thi như sau:

"2. Trình tự duyệt công nhận tốt nghiệp THPT:

a) Trong vòng 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, Giám đốc sở GDĐT duyệt công nhận tốt nghiệp THPT đối với các thí sinh đủ điều kiện và chịu trách nhiệm trước Bộ GDĐT về kết quả công nhận tốt nghiệp THPT của tỉnh mình;

b) Các sở GDĐT gửi Danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT về Bộ GDĐT ngay sau khi kết thúc kỳ thi (xét công nhận tốt nghiệp cho các thí sinh sau phúc khảo) để quản lý, theo dõi."

Điều 14. Bãi bỏ cụm từ "Thanh tra" tại tên Chương IX của Quy chế thi.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 của Quy chế thi như sau:

"**Điều 52. Kiểm tra thi**

1. Công tác kiểm tra các khâu của Kỳ thi thực hiện theo hướng dẫn công tác kiểm tra thi của Bộ GDĐT.

2. Bộ GDĐT tổ chức thực hiện công tác kiểm tra các khâu của kỳ thi tại địa phương; Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định thành lập các đoàn kiểm tra các khâu của kỳ thi hoặc giao Chánh Văn phòng Bộ GDĐT quyết định.

3. Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra thi tốt nghiệp THPT tại địa phương theo hướng dẫn công tác kiểm tra thi của Bộ GDĐT.

4. Giám đốc Sở GDĐT quyết định thành lập các đoàn kiểm tra công tác chuẩn bị thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo và xét công nhận tốt nghiệp THPT tại địa phương.

5. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ GDĐT đề nghị Thanh tra Chính phủ tổ chức thanh tra các khâu của Kỳ thi theo quy định của Luật Thanh tra và pháp luật có liên quan; Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thanh tra các khâu của Kỳ thi theo đề nghị của Bộ GDĐT hoặc Ban chỉ đạo thi cấp tỉnh."

Điều 16. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 55 của Quy chế thi.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 59 của Quy chế thi như sau:

"4. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra kỳ thi theo quy định của pháp luật."

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 của Quy chế thi như sau:

"Điều 60. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm toàn bộ về chỉ đạo tổ chức kỳ thi tại địa phương.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh; duyệt phương án, kế hoạch và kinh phí tổ chức kỳ thi do sở GDĐT trình; chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho sở GDĐT và các sở ban, ngành có liên quan của tỉnh, UBND cấp xã/phường về tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT bảo đảm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy chế thi và các văn bản hướng dẫn về kỳ thi do Bộ GDĐT ban hành.

3. Chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra kỳ thi theo thẩm quyền tại địa phương theo quy định."

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số khoản 5, 6 Điều 61 của Quy chế thi như sau:

"5. Chủ trì thành lập, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng thi và các Ban của Hội đồng thi; quyết định số lượng Ban In sao đề thi, Ban Làm phách, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo (phải xây dựng phương án để bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đồng đều giữa các Ban nếu hình thành nhiều hơn một Ban In sao đề thi, Ban Làm phách, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo; mỗi Ban làm việc tại một khu vực); tổ chức tập huấn nghiệp vụ tổ chức thi; chỉ đạo các cơ sở giáo dục chuẩn bị điều kiện về cơ sở vật chất cho kỳ thi.

6. Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp THPT cho thí sinh; chỉ đạo tổ chức cấp Bằng tốt nghiệp THPT, Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông; chỉ đạo tổ chức cấp Giấy chứng nhận kết quả thi cho thí sinh; công bố công khai phổ điểm các môn thi, đối sánh điểm thi trung bình các bài thi, môn thi với điểm trung bình môn học tương ứng của năm học lớp 12 của các trường phổ thông trong tỉnh."

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5 Điều 63 của Quy chế thi như sau:

"4. Tiếp nhận đơn, lập danh sách thí sinh có đơn phúc khảo bài thi và chuyển đến sở GDĐT.

5. Cấp Giấy chứng nhận kết quả thi và Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông."

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 64 của Quy chế thi như sau:

"2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác tổ chức kỳ thi, công tác kiểm tra thi theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ GDĐT./."

Điều 22. Thay thế các Phụ lục I, II, III của Quy chế thi bằng các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học; Hiệu trưởng các trường phổ thông chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Ngọc Thưởng

Phụ lục I
DANH MỤC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
1	Tiếng Anh	- TOEFL ITP 450 điểm - TOEFL iBT 45 điểm - TOEIC (4 kỹ năng) Nghe: 275; Đọc: 275; Nói: 120; Viết: 120	Educational Testing Service (ETS)
		IELTS 4.0 điểm	British Council (BC); International Development Program (IDP)
		- B1 Preliminary - B1 Business Preliminary - B1 Linguaskill	Cambridge Assessment English; Cambridge University Press & Assessment
		Aptis ESOL B1	British Council (BC)
		- Pearson English International Certificate (PEIC) Level 2 - Pearson Test of English Academic (PTE Academic) 43 điểm - Versant English Placement Test (VEPT) 43 điểm	Pearson
		Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đạt từ Bậc 3	Các đơn vị tổ chức thi theo quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hiện hành
2	Tiếng Nga	TORFL cấp độ 1 (Первый сертификационный уровень - ТРКИ-1)	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
3	Tiếng Pháp	- TCF 300 điểm - DELF B1	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP); Cơ quan Giáo dục Quốc tế Pháp (France Education International - FEI)

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
4	Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3	Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese); Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation")
		- TOCFL cấp độ 3	Ủy ban công tác thúc đẩy Kỳ thi đánh giá năng lực Hoa ngữ quốc gia (Steering Committee for the Test of Proficiency - Huayu)
5	Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B1	Viện Goethe (Goethe-Institut)
		- DSD cấp độ B1	Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA)
6	Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
		J.TEST cấp độ D	Công ty TNHH Gobun Kenkyusya (Gobun Kenkyusya Co., Ltd)
7	Tiếng Hàn	TOPIK cấp độ 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc

Phụ lục II
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT……MÃ SỞ: ☐☐ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT *Số phiếu:*

Trước khi kê khai Phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu phục vụ ĐKDT (bản in và bản điện tử, file ảnh), phải đọc kỹ các mục và HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU, những điểm chưa rõ thí sinh có thể hỏi cán bộ tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

……Giới *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh ☐☐ ☐☐ ☐☐

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) *Ngày* *Tháng* *Năm*

3. Dân tộc *(Ghi bằng chữ)*:…… **Quốc tịch nước ngoài** (*Đánh dấu "***X***" vào ô tương ứng)* ☐

4. Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân *(Ghi mỗi chữ số vào một ô)* ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

5. Nơi thường trú: ☐☐ ☐☐☐☐☐ *Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), xã (phường) vào dòng trống sau:*

Mã tỉnh (Tp) *Mã xã (phường)*

……

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (*Ghi tên trường, tỉnh (thành phố) và ghi mã tỉnh, mã trường*):

Năm lớp 10:…… ☐☐ ☐☐☐

Năm lớp 11:…… ☐☐ ☐☐☐

Năm lớp 12:…… ☐☐ ☐☐☐

Tên lớp 12:…… *Mã Tỉnh* *Mã Trường*

7. Điện thoại: …… **Email:** ……

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:……

……

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THI

9. Thí sinh học chương trình GDPT ☐ **Thí sinh học chương trình GDTX** ☐

10. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT (1) ☐ **Thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT** (2) ☐

11. Dự thi tại Hội đồng thi: …… **Mã hội đồng** ☐☐

12. Nơi ĐKDT:…… **Mã đơn vị ĐKDT** ☐☐☐

13. Đăng ký môn thi *(Thí sinh đăng ký dự thi môn nào thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng, riêng đối với môn Ngoại ngữ, thí sinh điền vào ô trống mã tương ứng với ngôn ngữ lựa chọn, cụ thể như sau:* **N1** *– Tiếng Anh;* **N2** *– Tiếng Nga;* **N3** *– Tiếng Pháp;* **N4** *– Tiếng Trung Quốc;* **N5** *– Tiếng Đức;* **N6** *– Tiếng Nhật;* **N7** *– Tiếng Hàn).*

Toán ☐ *Vật lí* ☐ *Sinh học* ☐ *Địa lí* ☐ *Giáo dục kinh tế và pháp luật* ☐ *Công nghệ Nông nghiệp* ☐

Ngữ văn ☐ *Hoá học* ☐ *Lịch sử* ☐ *Tin học* ☐ *Công nghệ Công nghiệp* ☐ *Ngoại ngữ* ☐

14. Đăng ký miễn thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký để xét tuyển sinh: *(Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi) :*…… **Điểm thi** *(Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này)*: ☐

15. Đăng ký miễn thi môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp THPT: *(Thí sinh là người nước ngoài có chứng chỉ tiếng Việt đủ điều kiện theo quy định để được miễn thi, thí sinh ghi rõ bậc trên chứng chỉ vào ô ngày):* ☐

16. Đăng ký môn thi xin bảo lưu *(Thí sinh ghi rõ điểm môn thi xin được bảo lưu vào ô tương ứng)*:

Toán ☐ *Vật lí* ☐ *Sinh học* ☐ *Địa lí* ☐ *Giáo dục kinh tế và pháp luật* ☐ *Công nghệ Nông nghiệp* ☐

Ngữ văn ☐ *Hoá học* ☐ *Lịch sử* ☐ *Tin học* ☐ *Công nghệ Công nghiệp* ☐ *Ngoại ngữ* ☐

CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày tháng năm 20.....

Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

Ảnh 4x6

Xác nhận người khai phiếu này đang học lớp.....

trường.....

Hoặc đang cư trú ở xã, phường.....

tỉnh.....

Hiệu trưởng các trường nơi HS đang học hoặc Công an xã, phường nơi thí sinh tự do đang cư trú tại địa phương ký tên và đóng dấu (chỉ đóng một dấu có phần giáp lai trên ảnh)

Ngày tháng năm 20.....

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Người đã học xong chương trình cấp THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
(2) Người đã có bằng tốt nghiệp THPT, có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Trước khi khai phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh phải đọc kỹ các mục và bản **HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU**, những điểm nào chưa rõ thí sinh phải hỏi người tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn đầy đủ. Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin khai trong Phiếu ĐKDT.

- Thí sinh ĐKDT trực tuyến theo quy định và nộp hồ sơ minh chứng hưởng ưu tiên cho điểm tiếp nhận hồ sơ. Sau khi hoàn thành rà soát, điểm tiếp nhận hồ sơ in Phiếu ĐKDT và ký tên, đóng dấu và trả 01 bản cho thí sinh.

- Trường hợp thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp phải khai thông tin giống nhau ở trên bì đựng Phiếu ĐKDT và Phiếu ĐKDT (bản giao lại cho thí sinh) rồi nộp cho nơi tiếp nhận đăng hồ so kèm theo 2 ảnh cỡ 4x6 kiểu Thẻ Căn cước/Căn cước công dân (có ghi rõ họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, vào mặt sau tấm ảnh, 2 ảnh này đựng trong một phong bì nhỏ). Riêng đối với thí sinh thuộc điểm b, c, d khoản 1 Điều 19 của Quy chế thi phải nộp bổ sung bản sao (photocopy) 2 mặt Thẻ Căn cước/Căn cước công dân trên 1 mặt của tờ giấy A4. Bên ngoài bì đựng Phiếu ĐKDT phải được Công an xã/phường nơi thí sinh đang cư trú ký tên và đóng một dấu để xác nhận nhân thân thí sinh.

- Thí sinh lưu giữ Phiếu ĐKDT được bàn giao lại để nhận Giấy báo thi, Giấy chứng nhận kết quả thi. Trong trường hợp có những sai sót thông tin đăng ký dự thi hoặc bị thất lạc Giấy báo thi thí sinh đem Phiếu ĐKDT này trực tiếp tới Điểm thi vào buổi tập trung phổ biến quy chế để đề nghị sửa chữa sai sót và làm thủ tục dự thi.

SỞ GDĐT……MÃ SỞ: ☐☐ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Giao lại cho thí sinh)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

Số phiếu:

Trước khi kê khai Phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu phục vụ ĐKDT (bản in và bản điện tử, file ảnh), phải đọc kỹ các mục và HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU, những điểm chưa rõ thí sinh có thể hỏi cán bộ tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

……Giới *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh ☐☐ ☐☐ ☐☐

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) *Ngày* *Tháng* *Năm*

3. Dân tộc *(Ghi bằng chữ)*:…… **Quốc tịch nước ngoài** (*Đánh dấu "***X***" vào ô tương ứng)* ☐

4. Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân *(Ghi mỗi chữ số vào một ô)* ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

5. Nơi thường trú: ☐☐ ☐☐☐☐☐ *Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), xã (phường) vào dòng trống sau:*

Mã tỉnh (Tp) *Mã xã (phường)*

……

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (*Ghi tên trường và nơi trường đóng: tỉnh (thành phố) và ghi mã tỉnh, mã trường*):

Năm lớp 10:…… ☐☐ ☐☐ ☐☐

Năm lớp 11:…… ☐☐ ☐☐ ☐☐

Năm lớp 12:…… ☐☐ ☐☐ ☐☐

Tên lớp 12:…… *Mã Tỉnh* *Mã Trường*

7. Điện thoại: …… **Email:** ……

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:……

……

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THI

9. Thí sinh học chương trình GDPT ☐ **Thí sinh học chương trình GDTX** ☐

10. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT (1) ☐ **Thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT** (2) ☐

11. Dự thi tại Hội đồng thi: …… **Mã hội đồng** ☐☐

12. Nơi ĐKDT:…… **Mã đơn vị ĐKDT** ☐☐☐

13. Đăng ký môn thi *(Thí sinh đăng ký dự thi môn nào thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng, riêng đối với môn Ngoại ngữ, thí sinh điền vào ô trống mã tương ứng với ngôn ngữ lựa chọn, cụ thể như sau:* **N1** *– Tiếng Anh;* **N2** *– Tiếng Nga;* **N3** *– Tiếng Pháp;* **N4** *– Tiếng Trung Quốc;* **N5** *– Tiếng Đức;* **N6** *– Tiếng Nhật;* **N7** *– Tiếng Hàn).*

Toán ☐ *Vật lí* ☐ *Sinh học* ☐ *Địa lí* ☐ *Giáo dục kinh tế và pháp luật* ☐ *Công nghệ Nông nghiệp* ☐

Ngữ Văn ☐ *Hoá học* ☐ *Lịch sử* ☐ *Tin học* ☐ *Công nghệ Công nghiệp* ☐ *Ngoại ngữ* ☐

14. Đăng ký miễn thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT: *(Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi) :……* **Điểm thi** *(Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này)*: ☐

15. Đăng ký miễn thi môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp THPT: *(Thí sinh là người nước ngoài có chứng chỉ tiếng Việt đủ điều kiện theo quy định để được miễn thi, thí sinh ghi rõ bậc trên chứng chỉ vào ô ngày):* ☐

16. Đăng ký môn thi xin bảo lưu *(Thí sinh ghi rõ điểm môn thi xin được bảo lưu vào ô tương ứng)*:

Toán ☐ *Vật lí* ☐ *Sinh học* ☐ *Địa lí* ☐ *Giáo dục kinh tế và pháp luật* ☐ *Công nghệ Nông nghiệp* ☐

Ngữ Văn ☐ *Hoá học* ☐ *Lịch sử* ☐ *Tin học* ☐ *Công nghệ Công nghiệp* ☐ *Ngoại ngữ* ☐

C. CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ngày tháng năm 20.....
Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

Ngày tháng năm 20…
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ DỰ THI
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Người đã học xong chương trình cấp THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
(2) Người đã có bằng tốt nghiệp THPT, có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

Mục SỞ GDĐT…… MÃ SỞ: Thí sinh đăng ký tại đơn vị đăng ký dự thi thuộc Sở GDĐT nào thì ghi tên Sở GDĐT vào vị trí trống, sau đó điền 2 chữ số biểu thị mã Sở GDĐT vào 2 ô trống tiếp theo, mã Sở GDĐT do Bộ GDĐT quy định.

Mục Số phiếu: Nơi tiếp nhận đăng ký dự thi ghi, thí sinh không ghi mục này.

Mục 1, 2: Ghi theo hướng dẫn trên Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (sau đây gọi tắt là Phiếu ĐKDT).

Mục 3: Dân tộc ghi đúng theo giấy khai sinh; **Quốc tịch nước ngoài** thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh.

Mục 4: Số Thẻ Căn cước, Căn cước công dân, mã số định danh cá nhân và số Hộ chiếu được viết chung là Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân tại mục này.

Mục 5: Mã tỉnh/thành phố và mã xã/phường theo Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Thí sinh cần tra cứu tại nơi đăng ký dự thi để ghi đúng mã tỉnh/thành phố, mã xã/phường nơi thí sinh có nơi thường trú hiện tại vào các ô tương ứng ở bên phải. Sau khi điền đủ các mã đơn vị hành chính vào các ô, thí sinh ghi rõ tên xã/phường, tỉnh/thành phố vào dòng trống.

Mục 6: Ghi tên trường và xã/phường, tỉnh/thành phố của trường vào dòng kẻ chấm. Ghi mã tỉnh nơi trường đóng vào 2 ô đầu, ghi mã trường vào 3 ô tiếp theo (mã trường ghi theo quy định của Sở GDĐT, nếu mã trường có 1 chữ số thì 2 ô đầu tiên ghi số 0, nếu mã trường có 2 chữ số thì ô đầu tiên ghi số 0). Đối với thí sinh là công an, quân nhân được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, CĐSP thì ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh nơi đóng quân và mã trường THPT là 900. Đối với thí sinh có thời gian học ở nước ngoài thì những năm học ở nước ngoài ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh/thành phố theo nơi thường trú tại Việt Nam và mã trường THPT là 800. Mục tên lớp: ghi rõ tên lớp 12 nơi học sinh đang học (ví dụ 12A1, 12A2,...), đối với thí sinh tự do ghi "TDO".

Mục 7: Ghi rõ điện thoại, email.

Mục 8: Thí sinh phải ghi rõ thông tin của người liên hệ: họ tên; số điện thoại; địa chỉ xóm (số nhà), thôn (đường phố, ngõ ngách), xã/phường, tỉnh/thành phố.

Mục 9: Thí sinh bắt buộc phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để biểu thị rõ thí sinh học theo chương trình GDPT hay chương trình GDTX cấp THPT.

Mục 10: Đối với thí sinh tự do phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để phân biệt rõ là thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT hay đã tốt nghiệp THPT (tính đến thời điểm dự thi).

Mục 11: Thí sinh đăng ký dự thi tại Hội đồng thi nào thì ghi tên Hội đồng thi và mã Hội đồng thi do Bộ GDĐT quy định vào vị trí tương ứng.

Mục 12: Học sinh đang học lớp 12 THPT tại trường nào thì nộp ĐKDT tại trường đó. Các đối tượng khác nộp ĐKDT tại các địa điểm do Sở GDĐT quy định. Mã đơn vị ĐKDT ghi theo hướng dẫn của nơi nhận ĐKDT.

Mục 13: Đối với thí sinh hiện đang là học sinh lớp 12 (chưa tốt nghiệp THPT) phải dự thi Toán, Ngữ văn và 02 môn thi đã được học ở lớp 12 trong số các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ Công nghiệp, Công nghệ Nông nghiệp, Ngoại ngữ. Trường hợp thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT có những môn thi (để xét công nhận tốt nghiệp THPT) năm trước đủ điều kiện bảo lưu, nếu muốn bảo lưu môn thi nào thì phải ghi điểm môn thi đó ở **Mục 16.**

Mục 14: Đối với thí sinh có nguyện vọng miễn thi môn Ngoại ngữ, cần ghi rõ loại chứng chỉ đủ điều kiện miễn thi hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT Đối với loại chứng chỉ có ghi điểm thi (điểm toàn bài thi), thí sinh phải ghi điểm vào ô "**Điểm thi**".

Ví dụ: 14. Đăng ký miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT : *(Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi):* TOEFL ITP **Điểm thi** 450

Mục 15: Đối với thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng miễn thi môn Ngữ văn, cần ghi rõ mức điểm toàn bài đạt được, bậc đạt được (nếu có).

Mục 16: Thí sinh đã dự thi THPT năm trước, nếu có những môn thi đủ điều kiện bảo lưu theo quy định, thí sinh muốn bảo lưu điểm của môn thi nào thì ghi điểm môn thi đó vào ô tương ứng./.

Phụ lục III

MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT……MÃ SỞ: ☐☐ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT *Số phiếu:*

(Thí sinh dự thi chỉ để lấy kết quả xét tuyển sinh thì KHÔNG PHẢI khai Phiếu này; Thí sinh nộp Phiếu này tại nơi nộp Phiếu đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

.....Giới *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh ☐☐ ☐☐ ☐☐

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) *Ngày* *Tháng* *Năm*

3. Dân tộc *(Ghi bằng chữ)*:..... **Quốc tịch nước ngoài** (*Đánh dấu* "**X**" *vào ô tương ứng)* ☐

4. Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân *(Ghi mỗi chữ số vào một ô)* ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

5. Thí sinh tự do (*Đánh dấu* "**X**" *vào ô tương ứng)* ☐

B. THÔNG TIN ĐỂ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

6. Kết quả kết quả rèn luyện ở lớp 12: ……

7. Kết quả kết học tập ở lớp 12: ……..

8. Điểm trung bình năm học: **Lớp 10** ☐ **Lớp 11** ☐ **Lớp 12** ☐

9. Đối tượng miễn thi tốt nghiệp: *(Đánh dấu* "**X**" *vào ô tương ứng)* ☐

10. Điểm khuyến khích được cộng thêm:

- Đoạt giải trong các kỳ thi (chọn giải cao nhất) do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn khác từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT, gồm:

+ Thi học sinh giỏi các môn văn hoá: giải ……, điểm cộng:……;

+ Thi thí nghiệm thực hành (Vật lí, Hoá học, Sinh học), thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế: giải ……, điểm cộng:…....

11. Diện ưu tiên xét tốt nghiệp *(Ghi ký hiệu theo diện trong hướng dẫn)* : ☐

C. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Học bạ:…..…….……..……	Có	☐	không	☐
2. Giấy khai sinh *(bản sao)*:…..……..	Có	☐	không	☐
3. Chứng nhận miễn thi tốt nghiệp:…..……	Có	☐	không	☐
4. Chứng chỉ để miễn thi Ngoại ngữ:…..…….	Có	☐	không	☐
5. Chứng chỉ để miễn thi Ngữ văn:…....…….	Có	☐	không	☐
6. Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi:……	Có	☐	không	☐
7. Giấy xác nhận điểm bảo lưu:.…….....	Có	☐	không	☐

8. Giấy tờ khác (nếu có):…….……..……..…… …….

D. CAM ĐOAN

Tôi cam đoan những lời khai trong Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ghi chú: *Sau ngày thi, mọi yêu cầu sửa đổi bổ sung nội dung lời khai sẽ không được chấp nhận.*	*Ngày tháng năm* **Người nhận** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*Ngày tháng năm* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐKDT** *(Ký tên và đóng dấu)*
Ngày tháng năm **Thí sinh ký và ghi rõ họ tên**	.....	.....

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

I. DIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT

Thí sinh thuộc một trong các diện:

1. Diện 1: ***Không được cộng điểm ưu tiên***.

Còn gọi là diện bình thường. *Ký hiệu*: **D1**

2. Diện 2: *Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:*

- Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động. *Ký hiệu*: **D2-TB2**
- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng. *Ký hiệu*: **D2-CAH**
- Người dân tộc thiểu số. *Ký hiệu:* **D2-TS2**
- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT; *Ký hiệu*: **D2-VS2**
- Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học. *Ký hiệu*: **D2-CHH**
- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX). *Ký hiệu*: **D2-T35**

3. Diện 3: ***Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:***

- Người dân tộc thiểu số học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT; *Ký hiệu:* **D3-TS3**
- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX). *Ký hiệu*: **D3-TB3**
- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên. *Ký hiệu*: **D3-CLS**

** Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.*

II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

1. Đoạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh: 1,0 điểm.

2. Đoạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: 1,0 điểm.

** Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.*

** Học sinh đoạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi/kỳ thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.*

III. LƯU Ý:

- Mục 5: Thí sinh tự do là thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 19 Quy chế thi.